

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 58

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diện	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bà Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đề ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61005161/21092963/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 26 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.948.025.846	18.478.339.161
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	93.805.124	94.833.376
111	1. Tiền		92.858.724	94.833.376
112	2. Khoản tương đương tiền		946.400	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.399.500.099	2.562.934.174
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.399.500.099	2.386.288.453
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.194.417.065	12.128.902.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.570.677.259	1.736.794.206
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.013.074.459	3.173.845.608
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	5.768.509.482	3.244.879.900
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.865.662.718	3.997.067.028
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(23.787.107)	(23.801.744)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		280.254	117.474
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.821.547.415	3.318.187.832
141	1. Hàng tồn kho		3.823.004.591	3.319.750.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.457.176)	(1.562.454)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		438.756.143	373.481.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	101.781.148	84.936.480
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	336.167.539	288.544.827
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	807.456	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.990.131.003	27.857.319.580
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		38.280.300	38.258.300
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	14.850.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	23.430.300	23.408.300
220	II. Tài sản cố định		5.386.934.895	5.134.856.176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.529.366.056	1.251.589.930
222	Nguyên giá		2.388.703.404	2.007.402.639
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(859.337.348)	(755.812.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.857.568.839	3.883.266.246
228	Nguyên giá		4.043.318.352	4.040.980.722
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(185.749.513)	(157.714.476)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.850.820.908	1.633.671.691
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.850.820.908	1.633.671.691
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	22.552.206.238	20.920.404.417
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	21.947.601.264	20.975.242.790
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	11.340.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	765.126.405	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(171.861.431)	(124.478.742)
260	V. Tài sản dài hạn khác		161.888.662	130.128.996
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	134.130.265	129.450.940
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	27.758.397	678.056
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		53.938.156.849	46.335.658.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.208.822.899	19.236.456.747
310	I. Nợ ngắn hạn		23.204.503.494	19.232.308.482
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	7.357.049.671	6.159.904.855
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	87.483.501	2.558.002.625
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	20.830.925	30.115.963
314	4. Phải trả người lao động		23.837.667	2.860.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	45.991.702	118.921.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.888.288	1.275.009
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	6.302.683.000	212.247.655
320	8. Vay ngắn hạn	22	9.360.577.013	10.148.818.826
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		4.319.405	4.148.265
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		339.481	757.983
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.979.924	3.390.282
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.729.333.950	27.099.201.994
410	I. Vốn chủ sở hữu		30.729.333.950	27.099.201.994
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.950.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.950.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	3.620.919.783	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	10.158.414.167	10.489.323.157
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.455.323.157	4.164.009.925
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.703.091.010	6.325.313.232
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		53.938.156.849	46.335.658.741

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	23.425.596.116	22.159.467.541
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(194.037)	(90.780)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	23.425.402.079	22.159.376.761
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(22.429.721.565)	(21.272.653.210)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		995.680.514	886.723.551
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	2.115.045.800	3.224.436.884
22	7. Chi phí tài chính	26	(575.954.957)	(178.377.848)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(365.506.104)	(54.703.441)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(494.983.652)	(320.283.217)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(369.887.285)	(327.724.786)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.669.900.420	3.284.774.584
31	11. Thu nhập khác	29	47.748.508	32.642.515
32	12. Chi phí khác	29	(39.771.604)	(20.135.444)
40	13. Lợi nhuận khác	29	7.976.904	12.507.071
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.677.877.324	3.297.281.655
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(1.866.655)	(41.050.811)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	27.080.341	(1.219)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.703.091.010	3.256.229.625

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.677.877.324	3.297.281.655
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	144.600.801	110.011.917
03	Trích lập các khoản dự phòng		47.262.775	35.451.003
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		74.782.533	48.617.796
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.996.202.839)	(3.135.020.110)
06	Chi phí lãi vay	26	365.506.104	54.703.441
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		313.826.698	411.045.702
09	Tăng các khoản phải thu		(3.164.170.416)	(3.167.551.915)
10	Tăng hàng tồn kho		(525.674.898)	(1.253.064.784)
11	Tăng các khoản phải trả		4.307.423.861	6.512.930.813
12	Tăng chi phí trả trước		(17.613.549)	(38.346.083)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		176.645.721	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả		(366.861.796)	(52.915.022)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(4.732.800)	(375.994)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		718.842.821	2.535.399.354
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(604.763.935)	(208.940.286)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		509.073	5.812.834
23	Gửi tiết kiệm ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(5.516.899.956)	(490.741.095)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		2.980.058.727	672.810.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.678.872.282)	(1.715.698.757)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.687.772	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		1.690.113.713	1.498.967.307
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.120.166.888)	(237.789.997)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		3.961.040.946	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	13.202.754.331	2.606.913.504
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(14.007.451.710)	(3.718.706.881)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(756.048.444)	(1.067.630.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		2.400.295.123	(2.179.424.372)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.028.944)	118.184.985
60	Tiền đầu kỳ		94.833.376	55.347.383
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		692	17.449
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	93.805.124	173.549.817


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019